

CẬP NHẬT THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Mã trường: SPH;

Địa chỉ: Số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội;

Điện thoại: 0865.911.136;

Website: <https://hnue.edu.vn/>;

Cổng thông tin đào tạo: <https://dtdh.hnue.edu.vn/>;

Chuyên trang tuyển sinh: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/>;

Cổng thông tin tuyển sinh: <https://ts2026.hnue.edu.vn/>;

Hệ thống đăng ký dự thi SPT, thi năng khiếu: <https://khaothi.hnue.edu.vn/>;

Đường link giới thiệu các chương trình đào tạo: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/cacnganhdaotao/>;

Đường link về các chương trình học bổng, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/tuyensinh2026/488/>;

Đường link báo cáo ba công khai về chất lượng đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng: <https://hnue.edu.vn/dbcl/ba-cong-khai/>;

Đường link công khai về tuyển sinh đại học chính quy của 03 năm gần nhất: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/tuyensinh2023/>, <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/tuyensinh2024/>, <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/tuyensinh2025/>.

I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

I-1. Đối với thí sinh người Việt Nam

- a) Tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có văn bằng do nước ngoài cấp được các đơn vị chức năng công nhận trình độ tương đương với tốt nghiệp THPT của Việt Nam.
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- c) Cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển; thực hiện nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.
- d) Có kết quả rèn luyện (hạnh kiểm) tất cả các học kỳ cấp THPT đạt mức Khá trở lên.
- c) Cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển; thực hiện nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.
- d) Có kết quả rèn luyện (hạnh kiểm) tất cả các học kỳ cấp THPT đạt mức Khá trở lên.

I-2. Đối với thí sinh người nước ngoài

- a) Tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) đã được công nhận tốt nghiệp THPT, đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt theo yêu cầu chương trình đào

tạo và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tại Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

b) Đối với diện Hiệp định, Trường tiếp nhận lưu học sinh vào học đại học chính quy theo quyết định của Bộ GDĐT. Số lượng tuyển sinh diện Hiệp định **không** tính vào số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo do Trường xác định hằng năm, đồng thời **không** tính vào chỉ tiêu đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT phân bổ cho Trường.

c) Đối với diện ngoài Hiệp định, thí sinh phải nộp hồ sơ dự tuyển và lệ phí xét tuyển theo quy định của Trường.

Số lượng tuyển sinh diện ngoài Hiệp định được tính vào số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo do Trường xác định hằng năm; việc xét tuyển đối với diện này được thực hiện cùng với các đối tượng xét tuyển thẳng diện đặc biệt (quy định tại **Mục II-1**) theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

II. DIỆN TUYỂN SINH ĐẶC THÙ

II-1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển thẳng

Đối tượng xét tuyển thẳng thuộc diện tuyển sinh đặc thù và gồm hai nhóm: diện đặc biệt và diện tài năng.

Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng chỉ được đăng ký xét tuyển thẳng vào duy nhất một chương trình đào tạo của Trường.

1.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển thẳng - Diện đặc biệt

a) Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I**), thí sinh đăng ký tiếp nhận vào học diện đặc biệt phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- Là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Phạm vi tuyển sinh: chương trình đào tạo “Giáo dục quốc phòng và an ninh”.

- Là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt bậc 4/6 (có chứng chỉ) theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Phạm vi tuyển sinh: các chương trình đào tạo “Việt Nam học”, “Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam”.

- Là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam, đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt bậc 4/6 (có chứng chỉ) theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc) tương đương bậc 4/6 (có chứng chỉ) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Phạm vi tuyển sinh: các chương trình đào tạo ngoài sư phạm.

- Là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có kết quả rèn luyện tất cả 06 học kỳ cấp THPT đạt mức Tốt, có kết quả học tập cả 03 năm cấp THPT đạt mức Tốt; có khả năng theo học chương trình đào tạo thuộc phạm vi tuyển sinh, nhưng **không** có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

Phạm vi tuyển sinh: chương trình đào tạo “Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật”.

b) Thí sinh diện đặc biệt nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký tiếp nhận vào học tại Trường (qua Phòng Đào tạo) trước *ngày 19/5/2026*.

Hội đồng tuyển sinh xem xét hồ sơ, kết quả học tập cấp THPT, nguyện vọng của thí sinh (nếu có) và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo thuộc phạm vi tuyển sinh kể trên để quyết định nhận vào học. Trường hợp cần thiết, quyết định nhận vào học có thể kèm theo điều kiện thí sinh phải học một năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức.

1.2. Đối tượng, điều kiện xét tuyển thẳng - Diện tài năng

a) Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**), thí sinh đăng ký dự tuyển diện tài năng cần tốt nghiệp THPT năm 2026 và thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia), được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi học sinh giỏi.

Thời gian đạt giải **không** quá 03 năm tính tới *ngày 19/5/2026*.

Phạm vi tuyển sinh: danh sách các chương trình đào tạo xét tuyển thẳng thí sinh diện tài năng theo từng môn thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế được công bố kèm theo Thông báo số 494/TB-ĐHSPHN *ngày 10/4/2026*.

- Đạt giải chính thức (Vàng, Bạc, Đồng) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật (được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận), được xét tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật.

Thời gian đạt giải **không** quá 04 năm tính tới *ngày 19/5/2026*.

- Tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức (được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á - ASIAD, Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games, Cúp Đông Nam Á), được xét tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo: Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao.

Thời gian đạt giải **không** quá 04 năm, tính tới *ngày 19/5/2026*.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế (do Bộ GDĐT cử tham gia), được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo "Sư phạm Công nghệ".

Thời gian đạt giải **không** quá 03 năm, tính tới *ngày 19/5/2026*.

b) Thí sinh diện tài năng đăng ký xét tuyển thẳng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường từ 14h00 *ngày 21/5* đến 17h00 *ngày 20/6/2026*.

Hội đồng tuyển sinh xem xét hồ sơ, minh chứng thành tích, nguyện vọng xét tuyển của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo cụ thể để quyết định xét tuyển thẳng. Công bố kết quả xét tuyển thẳng diện diện tài năng trước 17h00 *ngày 26/6/2026*.

c) Diện tài năng trong xét tuyển thẳng là phương thức tuyển sinh đặc thù, thực hiện việc xét tuyển trên cơ sở hồ sơ, thành tích của thí sinh. Phương thức này độc lập với Phương thức 2 - Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội (quy định tại **Mục III-4**).

II-2. Đối tượng, điều kiện xét tuyển diện cử tuyển

2.1. Căn cứ đề nghị của các sở GDĐT và công văn giao chỉ tiêu cử tuyển của Bộ GDĐT, Trường tiếp nhận một số học sinh dân tộc thiểu số vào học trình độ đại học theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về chế độ cử tuyển.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: tất cả các chương trình đào tạo phù hợp với chỉ tiêu cử tuyển do Bộ GDĐT giao cho địa phương.

2.3. Điều kiện tiếp nhận đối với người học diện cử tuyển

a) Có tên trong danh sách học sinh dân tộc thiểu số được Sở GDĐT đề nghị Trường tiếp nhận vào học theo chế độ cử tuyển.

b) Thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**), phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ cử tuyển.

c) Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo, Trường quy định các yêu cầu về năng lực học tập để phối hợp với địa phương trong việc xét chọn người học đã hoàn thành chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học, cụ thể như sau:

- Đối với thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên: kết quả rèn luyện cả năm đạt mức Tốt; kết quả học tập cả năm đạt mức Tốt; điểm trung bình mỗi môn học của tổ hợp 03 môn bồi dưỡng dự bị đại học thuộc tổ hợp xét tuyển (theo quy định đối với ngành dự tuyển) đạt từ 8.0 điểm trở lên.

- Đối với thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo ngoài sư phạm: kết quả rèn luyện cả năm đạt mức Tốt; kết quả học tập cả năm đạt mức Khá trở lên; điểm trung bình mỗi môn học của tổ hợp 03 môn bồi dưỡng dự bị đại học thuộc tổ hợp xét tuyển (theo quy định đối với ngành dự tuyển) đạt từ 6.5 điểm trở lên.

d) Trường hợp dự tuyển vào các ngành năng khiếu, thí sinh phải tham dự Kỳ thi năng khiếu trong năm 2026 do Trường tổ chức và đạt kết quả thi năng khiếu từ 8.0 điểm trở lên đối với ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất hoặc từ 6.5 điểm trở lên đối với ngành Huấn luyện thể thao.

2.4. Số lượng xét tuyển diện cử tuyển được thực hiện theo chỉ tiêu cử tuyển do Bộ GDĐT giao trực tiếp cho địa phương; số lượng này **không** tính vào số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo do Trường xác định hằng năm, đồng thời **không** tính vào chỉ tiêu đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT phân bổ cho Trường.

2.5. Sinh viên diện cử tuyển nhập học và học tập, rèn luyện theo kế hoạch đào tạo chung của Trường; **không** tổ chức lớp riêng cho sinh viên cử tuyển.

2.6. Sở GDĐT xây dựng kế hoạch tuyển sinh diện cử tuyển, tổ chức đăng ký dự tuyển và xét chọn học sinh dân tộc thiểu số vào học trình độ đại học trên cơ sở thống nhất chỉ tiêu và tiêu chí xét tuyển với Trường ĐHSP Hà Nội.

II-3. Đối tượng, điều kiện xét tuyển diện dự bị đại học

3.1. Căn cứ đề nghị của các trường dự bị đại học, Trường xem xét tiếp nhận một số học sinh hoàn thành chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học chuyển tiếp vào học trình độ đại học theo quy định của Bộ GDĐT.

3.2. Phạm vi tuyển sinh: các chương trình đào tạo ngoài sư phạm.

3.3. Điều kiện tiếp nhận đối với người học diện dự bị đại học

a) Có tên trong danh sách học sinh được Trường dự bị đại học đề nghị Trường ĐHSP Hà Nội tiếp nhận vào học trình độ đại học.

b) Thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**), phù hợp với quy định của pháp luật về dự bị đại học.

c) Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo ngoài sư phạm, Trường quy định ngưỡng đầu vào đối với đối tượng này như sau:

- Kết quả rèn luyện cả năm dự bị đại học đạt mức Tốt;

- Kết quả học tập cả năm dự bị đại học đạt mức Khá trở lên;

- Điểm trung bình mỗi môn học của tổ hợp 03 môn bồi dưỡng dự bị đại học thuộc tổ hợp xét tuyển (theo quy định đối với ngành dự tuyển) đạt từ 6.5 điểm trở lên.

d) Trường hợp dự tuyển vào chương trình đào tạo Huấn luyện thể thao, thí sinh phải tham dự Kỳ thi năng khiếu trong năm 2026 do Trường tổ chức và đạt kết quả thi năng khiếu từ 6.5 điểm trở lên.

3.4. Số lượng xét tuyển diện dự bị đại học được tính vào số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo do Trường xác định hằng năm. Người học thuộc đối tượng này **không** được đồng thời đăng ký theo diện cử tuyển.

3.5. Trường dự bị đại học xây dựng kế hoạch tuyển sinh diện dự bị đại học, tổ chức đăng ký dự tuyển và xét chuyển vào học trình độ đại học trên cơ sở thống nhất chỉ tiêu và tiêu chí xét tuyển với Trường ĐHSP Hà Nội.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH CHUNG VÀ TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN

III-1. Quy định chung về phương thức, điều kiện, tiêu chí xét tuyển

1.1. Trường thực hiện xét tuyển, tiếp nhận vào học đối với một số trường hợp đăng ký theo diện tuyển sinh đặc thù (quy định tại **Mục II**). Đối với các trường hợp còn lại **không** thuộc diện tuyển sinh đặc thù, Trường tổ chức xét tuyển theo phương thức tuyển sinh chung, bao gồm ba phương thức sau:

Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Điều kiện, tiêu chí xét tuyển
Phương thức 1 (PT1). Xét kết quả thi TN THPT năm 2026	Tất cả chương trình đào tạo.	- Thí sinh đăng ký các nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. - Trường xét các nguyện vọng này theo PT1 nếu thí sinh có đủ điểm các môn thi TN THPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển; đáp ứng quy định về đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT1. - Đối với các ngành năng khiếu (GDMN, GDMN – SPTA, GDTC, HLTT, SPAN, SPMT), Trường xét điểm tổ hợp 3 môn, bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu.
Phương thức 2 (PT2). Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Tất cả chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng ký dự tuyển theo PT2 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường với duy nhất một nguyện vọng xét tuyển vào một chương trình đào tạo; đồng thời đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào chương trình đào tạo này trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. - Việc xét tuyển theo PT2 vào một chương trình đào tạo chỉ được thực hiện đối với thí sinh đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển, có hồ sơ được Trường xác nhận hợp lệ; đáp ứng quy định về đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT2.
Phương thức 3 (PT3). Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2026	Tất cả chương trình đào tạo, trừ các ngành năng khiếu: GDTC, HLTT, SPAN, SPMT, GDMN, GDMN-SPTA.	- Thí sinh phải đăng ký dự thi từ 03 đến 07 môn thi SPT trên Hệ thống của Trường. - Thí sinh đăng ký các nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. - Trường xét các nguyện vọng này theo PT3 nếu thí sinh có đủ điểm các môn thi SPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển; đáp ứng quy định về đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT3.

Việc xét tuyển theo diện tuyển sinh đặc thù được thực hiện độc lập với việc xét tuyển theo phương thức tuyển sinh chung; thí sinh có thể đăng ký đồng thời theo quy định của từng phương thức.

1.2. Đối với phương thức tuyển sinh chung, thí sinh có thể đăng ký nhiều phương thức xét tuyển vào cùng một chương trình đào tạo. Đối với mỗi phương thức xét tuyển (PT1/PT2/PT3), thí sinh có một điểm xét (ĐX1/ĐX2/ĐX3) theo thang điểm 30.

1.3. Nguyên tắc xác định điểm xét theo thang điểm chung

a) Thang điểm 30 của ba môn thi TN THPT (đối với tổ hợp gốc, **không** nhân hệ số) được quy định là thang điểm chung để xác định các điểm xét (ĐX1/ĐX2/ĐX3) vào một

chương trình đào tạo.

b) Điểm xét thô theo tổ hợp xét tuyển có môn hệ số 2 được chuyển về thang điểm 30 trước khi quy đổi tương đương giữa các phương thức, tổ hợp về thang điểm chung.

Điểm xét thô theo mỗi phương thức (PT1/PT2/PT3) được quy đổi tương đương về thang điểm chung trước khi cộng điểm ưu tiên để xác định điểm xét (ĐX1/ĐX2/ĐX3).

c) Bảo đảm mỗi thí sinh có cơ hội đạt mức điểm xét tối đa theo thang điểm chung và **không** có thí sinh có điểm xét vượt quá 30 điểm (bao gồm cả điểm ưu tiên và điểm cộng).

1.4. Đối với thí sinh đăng ký nhiều phương thức xét tuyển vào cùng một mã xét tuyển, Trường sử dụng điểm xét cao nhất (ĐX1/ĐX2/ĐX3), đã được quy đổi và bao gồm điểm ưu tiên (nếu có), để xét tuyển từ cao xuống thấp trong phạm vi số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo.

1.5. Căn cứ hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT, phổ điểm thi TN THPT năm 2026 và số liệu phân tích, đánh giá, đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước, Trường xác định phương pháp quy đổi tương đương và độ lệch điểm giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển.

a) Việc quy đổi tương đương được thực hiện theo phương pháp bách phân vị (có hiệu chỉnh phù hợp với dữ liệu tuyển sinh và đào tạo của Trường), bảo đảm giữ nguyên thứ tự tương đối của thí sinh trong từng phương thức, tổ hợp xét tuyển và bảo đảm tính tương đương về năng lực đầu vào giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển.

b) Việc quy đổi tương đương và xác định độ lệch điểm phải bảo đảm không tạo lợi thế hoặc bất lợi bất hợp lý cho bất kỳ phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển nào.

III-2. Quy định về ngưỡng đầu vào

2.1. Đối tượng, phạm vi áp dụng ngưỡng đầu vào

a) Thí sinh dự tuyển theo PT1 phải đạt ngưỡng đầu vào quy định tại Mục 2.2.

b) Thí sinh dự tuyển theo PT2, PT3 phải đạt ngưỡng đầu vào quy định tại Mục 2.3.

2.2. Quy định ngưỡng đầu vào theo kết quả thi TN THPT năm 2026

a) Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với các chương trình đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT công bố, phổ điểm thi TN THPT năm 2026 và chuẩn đầu vào của các chương trình đào tạo, Trường xác định và công bố ngưỡng điểm xét (điểm sàn) sử dụng kết quả thi TN THPT năm 2026 đối với mỗi chương trình đào tạo (bao gồm chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo ngoài sư phạm) trước 17h00 ngày 10/7/2026.

b) Riêng với các chương trình đào tạo có sử dụng điểm thi năng khiếu kết hợp với điểm thi TN THPT trong tổ hợp môn xét tuyển, Trường quy định điểm sàn đối với tổ hợp môn; đồng thời quy định điểm sàn đối với môn thi TN THPT trong tổ hợp này.

2.3. Quy định ngưỡng đầu vào kết hợp

a) Đối với các chương trình đào tạo giáo viên (trừ Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật), thí sinh phải đạt kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và đáp ứng một trong hai điều kiện:

- Tổng điểm 03 môn thi TN THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên;

- Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên.

b) Đối với các chương trình đào tạo: Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật và các chương trình đào tạo ngoài sư phạm, thí sinh phải đạt kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá trở lên (học lực xếp loại từ Khá trở lên) và đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Tổng điểm 03 môn thi TN THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 16,50 điểm trở lên;

- Điểm xét TN THPT từ 6,50 trở lên.

c) Trường hợp cần sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác để xét ngưỡng đầu vào, môn thi khác được xác định là môn có điểm thi cao nhất trong số các môn thi tự chọn của thí sinh tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT.

2.4. Đối tượng không áp dụng ngưỡng đầu vào

a) Thí sinh dự tuyển diện tuyển sinh đặc thù (quy định tại **Mục II**).

b) Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp.

III-3. Phương thức 1 - Xét kết quả thi TN THPT năm 2026

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT1

a) Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**), thí sinh đăng ký xét tuyển theo PT1 phải tham dự Kỳ thi TN THPT năm 2026 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT1 vào chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học; đồng thời, đáp ứng ngưỡng đầu vào (quy định tại **Mục III-2**).

b) Đối với các ngành năng khiếu: Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non – Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, thí sinh còn phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2026 do Trường tổ chức để lấy điểm thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với điểm thi TN THPT.

- Trường **không** sử dụng kết quả thi năng khiếu do trường đại học khác tổ chức để xét tuyển.

- Trường công bố và tải điểm thi năng khiếu của thí sinh lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xét tuyển kết hợp với điểm thi TN THPT theo PT1 vào các ngành năng khiếu.

3.2. Điểm xét ĐX1 theo thang điểm chung

a) Điểm xét theo PT1 (thang điểm 30), ký hiệu là ĐX1, được xác định từ kết quả 03 môn thi TN THPT theo tổ hợp xét tuyển của từng chương trình đào tạo và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

- Đối với các ngành năng khiếu, điểm xét theo PT1 được xác định theo tổ hợp 03 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Theo đó, các bài thi năng khiếu được đánh giá theo thang điểm tương đương với thang điểm 10 của bài thi TN THPT.

- Đối với các tổ hợp xét tuyển theo PT1 có môn ngoại ngữ, điểm môn ngoại ngữ được xác định bằng kết quả môn thi TN THPT; Trường **không** sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để thay thế, quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển.

b) Đối với một chương trình đào tạo có từ hai tổ hợp xét tuyển theo PT1 trở lên, Trường xác định một tổ hợp xét tuyển làm tổ hợp gốc.

- Điểm xét theo PT1 của các tổ hợp còn lại được quy đổi tương đương về thang điểm chung (quy định tại **Mục III-1**).

- ĐX1 là điểm xét cao nhất trong các điểm xét theo PT1 của các tổ hợp xét tuyển sau khi đã được quy đổi tương đương về thang điểm chung.

3.3. Mốc thời gian xét tuyển theo PT1

- a) Thí sinh đăng ký và dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo thông báo của Bộ GDĐT.
- b) Trường tổ chức đăng ký dự thi năng khiếu trên Hệ thống <https://khaothi.hnue.edu.vn> từ 14h00 ngày 11/5 đến 17h00 ngày 22/5; tổ chức thi năng khiếu từ ngày 15/6 đến ngày 17/6/2026.
- Công bố phòng thi, số báo danh trước 17h00 ngày 06/6 và công bố kết quả thi năng khiếu trước 17h00 ngày 20/6/2026.
- c) Trường công bố công thức quy đổi tương đương điểm thi TN THPT (theo các tổ hợp) về thang điểm chung (theo tổ hợp gốc) và điểm xét ĐX1: trước 17h00 ngày 10/7/2026.
- d) Thí sinh đăng ký dự tuyển (theo PT1) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT: Từ ngày 02/7 đến 17h00 ngày 14/7/2026.
- đ) Trường công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 13/8/2026.

III-4. Phương thức 2 - Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội

4.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT2

Trường quy định các tiêu chí và điều kiện xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội theo PT2 trên cơ sở Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và yêu cầu đầu vào về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi của từng chương trình đào tạo.

- a) Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**) và đáp ứng ngưỡng đầu vào (quy định tại **Mục III-2**), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 phải thuộc một trong ba diện xét tuyển sau:
 - Diện A, áp dụng đối với thí sinh xét tuyển vào tất cả các chương trình đào tạo, trừ các chương trình đào tạo sau: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật;
 - Diện N, áp dụng đối với thí sinh xét tuyển vào các chương trình đào tạo: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật;
 - Diện T, áp dụng đối với thí sinh xét tuyển vào các chương trình đào tạo: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao.
- b) Đối tượng, điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện A
 - Thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – Diện A cần tốt nghiệp THPT năm 2026, có kết quả rèn luyện tất cả 06 học kỳ cấp THPT đạt mức Tốt, có kết quả học tập cả 03 năm cấp THPT đạt mức Tốt và phải đáp ứng một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
A4	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại trường thực hành sư phạm trực thuộc Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh hoặc theo hệ không chuyên tại trường THPT Chuyên.	A4.4		t_{10}
	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho HS lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A4.3	Giải Ba	t_9
		A4.2	Giải Nhì	t_8

		A4.1	Giải Nhất	t_7
A3	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ chuyên tại trường THPT chuyên.	A3		t_6
A2	Đáp ứng diện A3 nhưng chưa đến A1, đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A2.3	Giải Ba	t_5
		A2.2	Giải Nhì	t_4
		A2.1	Giải Nhất	t_3
A1	Tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT hoặc cuộc thi NCKHKT cấp quốc gia dành cho HS THPT.	A1.2	Không đạt giải	t_2
		A1.1	Giải khuyến khích/ Giải Tư trở lên	t_1

* Viết tắt: HSG = học sinh giỏi, NCKHKT = nghiên cứu khoa học, kĩ thuật.

Công nhận kết quả kỳ thi chọn HSG THPT cấp trường đại học được tổ chức bởi trường đại học có thành lập đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT, bao gồm: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Vinh, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh. **Không** công nhận (để xét tuyển theo PT2) kết quả thi chọn HSG hệ giáo dục thường xuyên với đề thi khác với đề thi chọn HSG THPT (dành cho lớp 12) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương). **Không** công nhận giải HSG (Nhất, Nhì, Ba) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) được quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ.

Thời gian tham dự, đạt giải các kỳ thi, cuộc thi **không** quá 03 năm tính tới *ngày 19/5/2026*.

Môn thi HSG hoặc đề tài NCKHKT đạt giải phải phù hợp với chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2.

Khi xét tuyển theo PT2 vào các chương trình đào tạo: SP Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế), học sinh hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ song ngữ tiếng Pháp của Trường THPT chuyên Hà Nội – Amsterdam, Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, Trường THPT chuyên Chu Văn An và Trường THPT chuyên Sơn Tây được tính vào diện A3.

- Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Trường hợp một thí sinh đáp ứng nhiều tiêu chí thuộc các diện xét tuyển khác nhau theo PT2 – diện A, điểm quy đổi t được xác định theo tiêu chí có lợi nhất cho thí sinh.

c) Đối tượng, điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện N

- Thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – diện N vào các chương trình đào tạo: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật căn bản tốt nghiệp THPT *trong năm 2024, 2025 hoặc 2026*, có kết quả học tập (học lực) cả 03 năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên và phải đáp ứng một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
N4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	N4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_8
N3	Tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại trường năng khiếu nghệ thuật.	N3		t_7
N2	Đạt các giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N2.3	Huy chương Đồng	t_6
		N2.2	Huy chương Bạc	t_5
		N2.1	Huy chương Vàng	t_4
N1	Đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N1.3	Huy chương Đồng	t_3
		N1.2	Huy chương Bạc	t_2
		N1.1	Huy chương Vàng	t_1

Thời gian đạt thành tích **không** quá 04 năm tính tới *ngày 19/5/2026*.

- Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Trường hợp một thí sinh đáp ứng nhiều tiêu chí thuộc các diện xét tuyển khác nhau theo PT2 – diện N, điểm quy đổi t được xác định theo tiêu chí có lợi nhất cho thí sinh.

d) Đối tượng, điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện T

- Thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 - diện T vào các chương trình đào tạo: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao cần tốt nghiệp THPT trong *năm 2024, 2025 hoặc 2026* và phải đáp ứng một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi

T4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	T4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_{10}
T3	Đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), có chứng nhận thành tích của Sở GDĐT.	T3.3	Huy chương Đồng	t_9
		T3.2	Huy chương Bạc	t_8
		T3.1	Huy chương Vàng	t_7
T2	Đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp 1 quốc gia (có quyết định công nhận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc Đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc (có chứng nhận thành tích của Bộ GDĐT).	T2.3	Huy chương Đồng	t_6
		T2.2	Huy chương Bạc	t_5
		T2.1	Huy chương Vàng hoặc VĐV cấp 1 quốc gia	t_4
T1	Đạt tiêu chuẩn Kien tướng quốc gia (có quyết định công nhận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc Đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm hoặc tại Đại hội Thể thao toàn quốc.	T1.3	Huy chương Đồng	t_3
		T1.2	Huy chương Bạc	t_2
		T1.1	Huy chương Vàng hoặc Kien tướng quốc gia	t_1

Thời gian đạt thành tích **không** quá 04 năm tính tới ngày 19/5/2026.

- Ngoài điều kiện kể trên, thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – diện T vào chương trình đào tạo Giáo dục thể chất phải có kết quả học tập (học lực) cả 03 năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên.

- Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.

Trường hợp một thí sinh đáp ứng nhiều tiêu chí thuộc các diện xét tuyển khác nhau theo PT2 – diện T, điểm quy đổi t được xác định theo tiêu chí có lợi nhất cho thí sinh.

đ) Trường xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ năng lực, thành tích vượt trội mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường và xác định thí sinh thuộc diện xét tuyển cụ thể. Chỉ những thí sinh có hồ sơ hợp lệ và thuộc một trong các diện quy định (A, N, T) mới được xét tuyển theo PT2 vào chương trình đào tạo đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Nếu thí sinh đã đăng ký dự tuyển theo PT2 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường nhưng không đăng ký nguyện vọng xét tuyển tương ứng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT thì được coi là từ bỏ đăng ký xét tuyển theo PT2; Trường sẽ loại bỏ dữ liệu điểm xét ĐX2, không đưa vào hệ thống xét tuyển và xử lý nguyện vọng.

e) PT2 là phương thức tuyển sinh chung cùng với PT1, PT3; độc lập với xét tuyển thẳng diện tài năng (quy định tại **Mục II-1**).

4.2. Điểm xét ĐX2 theo thang điểm chung

a) Điểm xét theo PT2 (thang điểm 30), ký hiệu là ĐX2, được xác định dựa trên hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội và bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

b) Việc xác định ĐX2 theo thang điểm chung (quy định tại **Mục III-1**), được thực hiện theo các quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số do Hội đồng tuyển sinh quyết định, bao gồm các tham số:

- Điểm quy đổi thành tích t ; thí sinh có thành tích càng cao thì có tham số t càng lớn ($15 \leq t < 30$).

- Điểm cộng n_1 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đủ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; thi trực tiếp) theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_1 \leq 1$).

Thời gian cấp chứng chỉ **không** quá 02 năm tính tới *ngày 19/5/2026*. Nếu **không** có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng quy định cụ thể của mỗi ngành thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng **không** được xét điểm cộng n_1 .

- Điểm cộng n_2 là điểm cộng đối với thí sinh có điểm trung bình môn cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 8.0 điểm trở lên đối với tổ hợp 3 môn theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_2 \leq 1$). Nếu **không** học đủ ba môn này trong cả 03 năm cấp THPT hoặc có ít nhất 1 môn ở 1 năm học **không** đạt điểm TBC là 8.0 thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng **không** được xét điểm cộng n_2 .

- Hệ số học vấn nền h là trung bình cộng điểm thi TN THPT môn Toán và môn Ngữ văn (hai môn bắt buộc với mọi thí sinh).

Đối với các thí sinh có cùng điểm quy đổi thành tích t , thí sinh có hệ số h càng cao thì có điểm xét ĐX2 càng lớn. Đối với các thí sinh có cùng hệ số h , thí sinh có điểm quy đổi thành tích t càng cao thì có điểm xét ĐX2 càng lớn.

c) Việc xác định các tham số quy đổi đảm bảo nguyên tắc:

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng **không** thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT2 (xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội) khi điều chỉnh các tham số quy đổi nhằm bảo đảm phản ánh đúng năng lực học tập của thí sinh.

4.3. Mốc thời gian xét tuyển theo PT2

a) Đăng ký dự tuyển theo PT2 trên *Cổng thông tin tuyển sinh của Trường*: <https://ts2026.hnue.edu.vn> từ 14h00 *ngày 21/5* đến 17h00 *ngày 23/6/2026* với duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển vào một chương trình đào tạo.

Tiếp theo, thí sinh phải **đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào chương trình đào tạo này** trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT từ *ngày 02/7* đến 17h00 *ngày 14/7/2026*. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu **không** tuân thủ quy định này.

b) Trường công bố quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung và điểm xét ĐX2: trước 17h00 *ngày 10/7/2026*.

c) Trường công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 *ngày 13/8/2026*.

III-5. Phương thức 3 - Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2026

5.1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển theo PT3

- a) Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (quy định tại **Mục I-1**), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT3 phải tham dự Kỳ thi SPT năm 2026 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT3 vào các chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học; đồng thời, đáp ứng ngưỡng đầu vào (quy định tại **Mục III-2**).
- b) Thí sinh nếu đã dự thi ĐGNL chuyên biệt năm 2026 do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước *ngày 31/5/2026* và **không** dự thi Kỳ thi SPT thì có thể đăng ký dự tuyển theo PT3 bằng kết quả các môn thi ĐGNL chuyên biệt tương ứng với tổ hợp xét tuyển vào các chương trình đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội.
- c) Trường cập nhật kết quả thi SPT của thí sinh lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT để các cơ sở giáo dục đại học khác xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của mỗi cơ sở.

5.2. Điểm xét ĐX3 theo thang điểm chung

- a) Điểm xét theo PT3 (thang điểm 30), ký hiệu là ĐX3, được xác định từ kết quả 03 môn thi SPT theo tổ hợp xét tuyển của từng chương trình đào tạo, được quy đổi tương đương về thang điểm chung (quy định tại **Mục III-1**) và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Đối với các tổ hợp xét tuyển theo PT3 có môn tiếng Anh, điểm môn tiếng Anh được xác định bằng kết quả môn thi SPT; Trường **không** sử dụng chứng chỉ tiếng Anh để thay thế, quy đổi thành điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.

- b) Việc quy đổi điểm tổ hợp 03 môn thi SPT về thang điểm chung đảm bảo các nguyên tắc:

- Dựa trên tương quan so sánh dữ liệu điểm thi của tổ hợp tương ứng giữa hai kỳ thi SPT và TN THPT năm 2026.
 - **Không** làm thay đổi thứ tự xếp hạng theo điểm tổ hợp 03 môn giữa các thí sinh sau khi quy đổi.
 - Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT3 (xét điểm thi SPT), nhằm điều chỉnh công thức quy đổi bảo đảm phản ánh đúng năng lực học tập của thí sinh.
- c) Công thức quy đổi tương đương SPT – TN THPT do Hội đồng tuyển sinh quyết định khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2026.
- d) Đối với một chương trình đào tạo có từ hai tổ hợp xét tuyển theo PT3 trở lên, Trường xác định một tổ hợp làm tổ hợp gốc.
- Điểm xét theo PT3 của các tổ hợp còn lại được quy đổi tương đương về thang điểm chung (quy định tại **Mục III-1**).
 - ĐX3 là điểm xét cao nhất trong các điểm xét theo PT3 của các tổ hợp xét tuyển sau khi đã được quy đổi tương đương.

5.3. Mốc thời gian xét tuyển theo PT3

- a) Thí sinh đăng ký dự thi SPT trên Hệ thống <https://khaothi.hnue.edu.vn> từ 14h00 ngày 15/3 đến ngày 15/4/2026. Sau đó, **đăng ký các nguyện vọng xét tuyển** (theo PT3) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT từ ngày 02/7 đến 17h00 ngày 14/7/2026.

Trường hợp **không** dự thi Kỳ thi SPT nhưng đã dự thi ĐGNL chuyên biệt năm 2026 do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước *ngày 31/5/2026*, thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT3, tải điểm thi ĐGNL chuyên biệt trên *Cổng thông tin tuyển sinh của Trường*: <https://ts2026.hnue.edu.vn> từ 14h00 ngày 21/5 đến 17h00 ngày 15/6/2026. Sau đó, **đăng ký các nguyện vọng xét tuyển vào chương trình đào tạo** của Trường (theo PT3) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT từ ngày 02/7 đến 17h00 ngày 14/7/2026.

Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu **không** tuân thủ quy định trên.

- b) Trường tổ chức hai đợt thi SPT năm 2026 theo Thông báo số 1565/TB-ĐHSPHN ngày 30/12/2025; đợt 1 vào các ngày 23 – 24/5; đợt 2 vào các ngày 30 – 31/5/2026.
- Công bố phòng thi, số báo danh trước 17h00 ngày 09/5 và công bố kết quả thi SPT trước 17h00 ngày 30/6/2026.
- Tổ chức tiếp nhận đăng ký, chấm thi phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo: từ ngày 01/7 đến 17h00 ngày 05/7/2026.
- c) Trường công bố công thức quy đổi tương đương điểm thi SPT (theo tổ hợp) về thang điểm chung và điểm xét ĐX3: trước 17h00 ngày 10/7/2026.
- d) Trường công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 13/8/2026.

IV. Phương thức, điều kiện, tổ hợp xét tuyển theo chương trình đào tạo và dự kiến số lượng tuyển sinh

Năm 2026, Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức tuyển sinh 59 chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc 09 lĩnh vực, trong đó có 08 chương trình đào tạo mới thuộc các lĩnh vực đào tạo ngoài sư phạm: Giáo dục học (Giáo dục và truyền thông), Huấn luyện thể thao, Địa lí học (Địa lí tài nguyên và môi trường), Trí tuệ nhân tạo, Khoa học dữ liệu, Hóa học (Hóa dược), Quốc tế học, Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế).

IV-1. Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

a) Nhóm ngành khoa học giáo dục

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n ₁		
1	Giáo dục học (Giáo dục và truyền thông) (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7140101 Số lượng tuyển sinh: 80	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh
				IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61;		

2	Quản lý giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7140114</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 90</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	TOEIC $\geq$ 600; DELF từ B1 trở lên; TCF $\geq$ 300; HSK $\geq$ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, GDKT&PL
---	---	----------------------	--------------------------	---	--	--

b) Nhóm ngành đào tạo giáo viên

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>		
1	GD Mầm non <i>Mã xét tuyển: 7140201</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 190</i>	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	<i>Không xét tuyển</i>
2	GD Mầm non - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140201K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện) - Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	<i>Không xét tuyển</i>
3	GD Tiểu học <i>Mã xét tuyển: 7140202</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 215</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140202K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 100</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

5	GD đặc biệt <i>Mã xét tuyển: 7140203</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 80</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
6	GD công dân <i>Mã xét tuyển: 7140204</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 110</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
7	GD chính trị <i>Mã xét tuyển: 7140205</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 20</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
8	GD thể chất <i>Mã xét tuyển: 7140206</i>	<i>Theo quy định</i>	Toán, Ngữ văn,	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ;	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	<i>Không xét tuyển</i>

	Số lượng tuyển sinh: 160	riêng	Ngoại ngữ	DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	
9	GD Quốc phòng và An ninh <i>Mã xét tuyển: 7140208</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Toán	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Địa lý	- Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Địa lý
10	SP Toán học <i>Mã xét tuyển: 7140209</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 300</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán × 2, Vật lí, Hóa học - Toán × 2, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán × 2, Vật lí, Hóa học - Toán × 2, Vật lí, Tiếng Anh
11	SP Toán học <i>(dạy Toán bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140209K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Toán, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán × 2, Tiếng Anh, Vật lí - Toán × 2, Tiếng Anh, Ngữ văn	- Toán × 2, Tiếng Anh, Vật lí - Toán × 2, Tiếng Anh, Ngữ văn
12	SP Tin học <i>Mã xét tuyển: 7140210</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 100</i>	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học
13	SP Tin học <i>(dạy Tin học bằng tiếng Anh)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140210K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 20</i>	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học

14	SP Vật lí <i>Mã xét tuyển: 7140211</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 42</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
15	SP Vật lí (dạy Vật lí bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140211K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 20</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
16	SP Hoá học <i>Mã xét tuyển: 7140212</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 67</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học
17	SP Hoá học (dạy Hóa học bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140212K</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 20</i>	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
18	SP Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7140213</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 84</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lí, Toán; NCKHKT	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
19	SP Ngữ văn <i>Mã xét tuyển: 7140217</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 240</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Ngữ văn $\times$ 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times$ 2, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times$ 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times$ 2, Toán, Tiếng Anh
	SP Lịch sử	Ngữ văn,	Ngữ văn,	IELTS $\geq$ 6.0;	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

20	Mã xét tuyển: 7140218 Số lượng tuyển sinh: 110	Lịch sử	Lịch sử, Địa lý	TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
21	SP Địa lí Mã xét tuyển: 7140219 Số lượng tuyển sinh: 120	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử
22	SP Âm nhạc Mã xét tuyển: 7140221 Số lượng tuyển sinh: 90	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600; DELFTừ B1 trở lên; TCF $\geq$ 300; HSK $\geq$ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc) - Ngữ văn, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc)	<i>Không xét tuyển</i>
23	SP Mỹ thuật Mã xét tuyển: 7140222 Số lượng tuyển sinh: 80	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600; DELFTừ B1 trở lên; TCF $\geq$ 300; HSK $\geq$ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí) - Ngữ văn, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí)	<i>Không xét tuyển</i>
24	SP Tiếng Anh Mã xét tuyển: 7140231 Số lượng tuyển sinh: 160	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.5; TOEFL iBT $\geq$ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
	SP Tiếng Pháp			IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61;		

25	<i>Mã xét tuyển: 7140233</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 40</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IOEIC $\geq$ 600; DELf từ B1 trở lên (DELf B1 tout public hoặc junior), TCF $\geq$ 300	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
26	SP Công nghệ <i>Mã xét tuyển: 7140246</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 150</i>	Toán, Vật lí, Công nghệ, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Công nghệ	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Công nghệ (định hướng Công nghiệp) - Toán, Vật lí, Công nghệ (định hướng Nông nghiệp)	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Công nghệ (định hướng Công nghiệp) - Toán, Vật lí, Công nghệ (định hướng Nông nghiệp)
27	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã xét tuyển: 7140247</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học
28	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140249</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

Sinh viên học các chương trình đào tạo giáo viên (sư phạm) được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (*nếu đăng ký và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục*). Nếu sinh viên **không** đăng ký hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường.

Thí sinh trúng tuyển ngành SP Sinh học sau khi nhập học nếu có nguyện vọng thì có thể đăng ký dự tuyển vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy bằng tiếng Anh: SP Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh).

Thí sinh trúng tuyển các chương trình đào tạo: SP Toán, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, sau khi nhập học, nếu có nguyện vọng thì có thể đăng ký dự tuyển vào hệ chất lượng cao của các chương trình đào tạo này.

IV-2. Lĩnh vực nhân văn

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển,</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i>
		<i>Đội tuyển HSG</i>	<i>Tổ hợp môn</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ</i>		

	<i>số lượng tuyển sinh</i>	<i>- ưu tiên xét tuyển</i>	<i>- xét cộng điểm n_2</i>	<i>quốc tế</i> <i>- xét cộng điểm n_1</i>	(môn thi TN THPT)	(môn thi SPT)
1	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> <i>Mã xét tuyển: 7220101</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 70</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người nước ngoài</i> <i>Mã xét tuyển: 7220101</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 10</i>	<i>Theo quy định riêng</i>				
3	Ngôn ngữ Anh <i>Mã xét tuyển: 7220201</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	Ngôn ngữ Pháp <i>(Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế)</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7220203</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 60</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên (DELF B1 tout public hoặc junior), TCF ≥ 300	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã xét tuyển: 7220204</i>	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc,	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ;	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

	Số lượng tuyển sinh: 45	Tiếng Pháp, Ngữ văn	Quốc	HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp		
6	Triết học <i>(Triết học Mác Lê-nin)</i> Mã xét tuyển: 7229001 Số lượng tuyển sinh: 195	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
7	Lịch sử Mã xét tuyển: 7229010 Số lượng tuyển sinh: 60	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
8	Văn học Mã xét tuyển: 7229030 Số lượng tuyển sinh: 100	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

IV-3. Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1		

1	Chính trị học <i>Mã xét tuyển: 7310201</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 100</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, GDKT&PL, Lịch sử - Ngữ văn, GDKT&PL, Địa lí - Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
2	Xã hội học <i>Mã xét tuyển: 7310301</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 80</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
3	Tâm lý học <i>(Tâm lý học trường học)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310401</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 200</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFTừ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
	Tâm lý học giáo dục	Tất cả		IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ;	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí

4	Mã xét tuyển: 7310403 Số lượng tuyển sinh: 90	các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
5	Địa lí học (Địa lí tài nguyên và môi trường) (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7310501 Số lượng tuyển sinh: 70	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	- Ngữ văn, Địa lí, Toán - Ngữ văn, Địa lí, Lịch sử - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL
6	Quốc tế học (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7310601 Số lượng tuyển sinh: 60	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
7	Việt Nam học - tuyển sinh người Việt Nam Mã xét tuyển: 7310630 Số lượng tuyển sinh: 210	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
8	Việt Nam học - tuyển sinh người nước ngoài Mã xét tuyển: 7310630 Số lượng tuyển sinh: 10	Theo quy định riêng				

IV-4. Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển, Số lượng tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>		
1	Sinh học* <i>Mã xét tuyển: 7420101 Số lượng tuyển sinh: 120</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lí, Toán, Địa lý; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Sinh học, Địa lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)	- Toán, Sinh học, Địa lý - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)
2	Công nghệ sinh học* <i>Mã xét tuyển: 7420201 Số lượng tuyển sinh: 80</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lí, Toán; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Sinh học, Vật lí - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)	- Toán, Sinh học, Vật lí - Toán, Sinh học, Hoá học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Công nghệ (định hướng nông nghiệp)

* Chương trình đào tạo cử nhân Sinh học, Công nghệ sinh học thuộc danh mục ngành đào tạo được áp dụng chính sách học bổng theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

IV-5. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>		

1	Vật lí học* <i>(Vật lí bán dẫn và kỹ thuật)</i> Mã xét tuyển: 7440102 Số lượng tuyển sinh: 120	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Vật lí	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học
2	Hóa học* Mã xét tuyển: 7440112 Số lượng tuyển sinh: 104	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh
3	Hóa học* <i>(Hóa dược)</i> (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7440112D Số lượng tuyển sinh: 60	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Vật lí - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh

* Chương trình đào tạo cử nhân Vật lí học (*Vật lí bán dẫn và kỹ thuật*), Hóa học, Hóa học (*Hóa dược*) thuộc danh mục ngành đào tạo được áp dụng chính sách học bổng theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

IV-6. Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1		
1	Toán học* Mã xét tuyển: 7460101 Số lượng tuyển sinh: 120	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán $\times$ 2, Vật lí, Hóa học - Toán $\times$ 2, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times$ 2, Vật lí, Hóa học - Toán $\times$ 2, Vật lí, Tiếng Anh

2	Khoa học dữ liệu* <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> Mã xét tuyển: 7460108 Số lượng tuyển sinh: 60	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tin học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Tin học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Tin học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh
---	---	--	-----------------------------	---	--	--

* Chương trình đào tạo cử nhân Toán học, Khoa học dữ liệu thuộc danh mục ngành đào tạo được áp dụng chính sách học bổng theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

IV-7. Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)</i>	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)</i>
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>		
1	Trí tuệ nhân tạo* <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> Mã xét tuyển: 7480107 Số lượng tuyển sinh: 60	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học
2	Công nghệ thông tin* Mã xét tuyển: 7480201 Số lượng tuyển sinh: 140	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học

* Chương trình đào tạo cử nhân Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ thông tin thuộc danh mục ngành đào tạo được áp dụng chính sách học bổng theo Nghị định số 179/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

IV-8. Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

	Chương trình đào tạo	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1	Phương thức 3

STT	Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh				Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1		
1	Công tác xã hội Mã xét tuyển: 7760101 Số lượng tuyển sinh: 220	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
2	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Mã xét tuyển: 7760103 Số lượng tuyển sinh: 160	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

IV-9. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển, số lượng tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1		
				IELTS ≥ 6.0 ;		

1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành <i>Mã xét tuyển: 7810103</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 150</i>	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL
2	Huấn luyện thể thao <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7810302</i> <i>Số lượng tuyển sinh: 70</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m) - Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	<i>Không xét tuyển</i>

Trường cho phép sinh viên đang theo học, nếu có đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện theo quy định, được đăng ký học đồng thời hai chương trình đào tạo. Sinh viên hoàn thành đầy đủ yêu cầu của từng chương trình sẽ được cấp hai văn bằng theo quy định hiện hành.

V. ĐĂNG KÝ, XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

V-1. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1.1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh đáp ứng quy định tại **Mục II-1** đăng ký dự tuyển và tiến hành rà soát hồ sơ, minh chứng để xét tuyển thẳng diện đặc biệt và diện tài năng.

1.2. Trường hợp số lượng hồ sơ diện tài năng vượt quá phạm vi số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo, Trường xét tuyển thẳng diện này theo nguyên tắc như sau:

a) Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ hạng giải cao nhất (giải Nhất/huy chương Vàng), nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến hạng giải Nhì/huy chương Bạc, giải Ba/huy chương Đồng cho đến hết chỉ tiêu.

b) Đối với thí sinh đạt cùng hạng giải, xét theo tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của tổ hợp môn: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ ở bậc THPT (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành).

1.3. Đối với thí sinh xét tuyển thẳng diện tài năng

a) Trường công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển thẳng diện tài năng (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển (PT1, PT2, PT3) theo kế hoạch tuyển sinh chung do Bộ GDĐT ban hành.

b) Thí sinh đã đủ điều kiện trúng tuyển thẳng diện tài năng (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) phải đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung. Khi đăng ký nguyện vọng, thí sinh được lựa chọn chương trình đào tạo đã đủ điều kiện trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký các nguyện vọng xét tuyển khác.

c) Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển thẳng diện tài năng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung sau khi được xác định trúng tuyển chính thức trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Trường **không** yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

V-2. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT

2.1. Thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm để Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung xử lý nguyện vọng theo quy định, trừ các đối tượng xét tuyển thẳng diện đặc biệt (nếu có) thực hiện theo quy trình riêng tương ứng do Bộ GDĐT quy định.

2.2. Thí sinh được đăng ký tối đa **15 nguyện vọng** vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

2.3. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường ĐHSP Hà Nội: **SPH**);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

2.4. Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển và nộp lệ phí theo hướng dẫn trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Lệ phí đăng ký nguyện vọng xét tuyển **không** bao gồm lệ phí tham dự các kỳ thi bổ trợ, kỳ thi độc lập; lệ phí kiểm tra hồ sơ xét tuyển thẳng, hồ sơ xét tuyển PT2 theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do Trường quy định.

V-3. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

3.1. Trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức, diện tuyển sinh và tiêu chí xét tuyển cụ thể theo lịch trình xét tuyển, xử lý nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung do Bộ GDĐT hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật.

3.2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT, Trường thực hiện tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống, bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng xét tuyển, kết quả học tập cấp THPT, kết quả thi TN THPT, điểm xét TN THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

Thí sinh có trách nhiệm đăng ký trên cả Cổng thông tin tuyển sinh của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo quy định; việc tổ chức đăng ký trên hai hệ thống nhằm bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác và đối sánh dữ liệu phục vụ xét tuyển, bao gồm các dữ liệu đặc thù không có trong Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

Trường hợp thông tin, dữ liệu đăng ký xét tuyển của thí sinh trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT khác với thông tin đăng ký dự tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường, Trường sử dụng dữ liệu từ Hệ thống của Bộ GDĐT để xét tuyển.

3.3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Việc xét tuyển theo các phương thức: PT1, PT2, PT3 chỉ thực hiện đối với thí sinh đáp ứng ngưỡng đầu vào (quy định tại **Mục III-2**).

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển (ĐXT) duy nhất là giá trị cao nhất trong các điểm xét (ĐX1/ĐX2/ĐX3), **không** phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c dưới đây.

Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và **không** thấp hơn ngưỡng đầu vào.

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách: thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn;

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau: thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

Việc ưu tiên thí sinh có điểm cộng thấp hơn nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng, phản ánh đúng năng lực cốt lõi của thí sinh khi các điều kiện khác là tương đương.

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT.

3.4. Trường tổ chức quy đổi và công bố các điểm xét (ĐX1/ĐX2/ĐX3) để thí sinh tra cứu; thí sinh không cần tự thực hiện việc quy đổi điểm. Thí sinh có thể tham khảo phương pháp quy đổi và các tham số kỹ thuật liên quan để ước lượng khoảng điểm xét của mình; điểm xét chính thức (ĐX1/ĐX2/ĐX3) được sử dụng trong xét tuyển là điểm do Trường xác định và công bố.

3.5. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

Trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

3.6. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định.

Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

3.7. Thời hạn công bố kết quả thi tuyển, xét tuyển có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm thống nhất với tiến độ chung của hệ thống tuyển sinh và yêu cầu rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, nhằm bảo đảm tính chính xác, công bằng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

V-4. Công bố kết quả trúng tuyển và tổ chức nhập học

4.1. Trường công bố điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm và tên phương thức trúng tuyển) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường; kèm theo hướng dẫn thủ tục nhập học và giải đáp thắc mắc của thí sinh về kết quả công bố.

4.2. Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học trong năm tuyển sinh hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh nhập học ở năm học tiếp theo; đồng thời, lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

4.3. Thí sinh trúng tuyển phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các thủ tục nhập học theo trình tự sau:

a) Xác nhận nhập học trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước 17h00 ngày 21/8/2026.

b) Kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường trước 17h00 ngày 23/8/2026.

c) Nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Trường (qua đơn vị đào tạo), sau đó nhận giấy báo trúng tuyển để thực hiện các thủ tục cần thiết ở địa phương (nếu có).

4.4. Khi đã xác nhận nhập học tại Trường, thí sinh **không** được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cho phép.

4.5. Đối với những thí sinh **không** xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp **không** có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Trường có quyền **không** tiếp nhận.

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hiệu trưởng xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học muộn hoặc cho bảo lưu kết quả tuyển sinh theo quy định.

V-5. Trách nhiệm của thí sinh trong công tác tuyển sinh

5.1. Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường; đăng ký nguyện vọng phù hợp với điều kiện dự tuyển và tuân thủ quy định về số lượng, thứ tự nguyện vọng theo quy định của Bộ GDĐT; **không** đăng ký nguyện vọng vào các chương trình đào tạo hoặc theo các phương thức, diện tuyển sinh mà **không** đủ điều kiện dự tuyển.

5.2. Cung cấp đầy đủ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển và tính xác thực của các giấy tờ minh chứng trên Hệ thống của Bộ GDĐT và Hệ thống của Trường, bao gồm: thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

Trường hợp thí sinh cung cấp thông tin **không** đầy đủ hoặc **không** chính xác, Trường **không** chịu trách nhiệm về các sai sót phát sinh; tùy theo thời điểm phát hiện vi phạm, Trường có quyền loại bỏ dữ liệu xét tuyển; hủy kết quả trúng tuyển hoặc từ chối tiếp nhận thí sinh vi phạm theo quy định.

5.3. Đồng ý để Trường sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển, hậu kiểm khi nhập học và quản lý người học theo quy định.

5.4. Thực hiện nộp lệ phí thi tuyển, xét tuyển trong thời gian quy định; lưu giữ minh chứng nộp lệ phí (biên lai, xác nhận chuyển tiền) để Trường đối chiếu khi cần thiết. Lệ phí đã nộp **không** được hoàn trả trong bất cứ trường hợp nào.

5.5. Chủ động tra cứu thông tin ca thi, phòng thi, số báo danh trên Hệ thống của Trường và đến dự thi đúng giờ. Nếu vi phạm thời gian thi thì thí sinh sẽ **không** được dự thi và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

5.6. Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đồng thời chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nhập học, thực hiện nhập học trực tuyến trên Hệ thống của Trường, sau đó nộp trực tiếp tại Trường đúng thời gian quy định.

Thí sinh đã xác nhận nhập học nhưng **không** hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định sẽ bị xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển.

V-6. Hậu kiểm, báo cáo và lưu trữ

6.1. Trường tổ chức kiểm tra, đối chiếu thông tin và hồ sơ minh chứng của thí sinh khi nhập học và trong quá trình đào tạo theo quy định; bảo đảm tất cả thí sinh nhập học đáp ứng đầy đủ điều kiện trúng tuyển. Trường hợp phát hiện thí sinh **không** đủ điều kiện trúng tuyển, Trường thực hiện xác minh, đối chiếu hồ sơ; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, HĐTS xem xét, quyết định theo thẩm quyền một trong các biện pháp sau:

- a) Từ chối nhập học hoặc hủy kết quả trúng tuyển (nếu đã được công nhận trúng tuyển) đối với thí sinh chưa nhập học;
- b) Buộc thôi học và hủy kết quả trúng tuyển đối với thí sinh đã nhập học;
- c) Xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật đối với trường hợp có hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ.

Việc xử lý phải bảo đảm khách quan, công bằng, đúng quy định và được lưu hồ sơ để phục vụ công tác kiểm tra, giải trình.

6.2. Trường thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung trong thời gian quy định; bảo đảm tính thống nhất giữa dữ liệu tuyển sinh và dữ liệu quản lý đào tạo.

6.3. Trường thực hiện chế độ báo cáo về công tác tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT; chịu trách nhiệm giải trình về toàn bộ quá trình tổ chức tuyển sinh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6.4. Trường bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu và dữ liệu tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của ngành giáo dục; bảo đảm khả năng truy xuất phục vụ công tác kiểm tra, hậu kiểm và giải trình.

Căn cứ Kế hoạch, hướng dẫn tuyển sinh cập nhật của Bộ GDĐT, Trường ĐHSP Hà Nội xây dựng các kế hoạch, hướng dẫn tuyển sinh chi tiết và tiếp tục công bố ở các thông báo tiếp theo./.